

Bản án số: 327/2024/DS-PT

Ngày 21 - 5 - 2024

V/v “Tranh chấp đòi lại tài sản; Tranh chấp quyền sử dụng đất; Buộc thực hiện nghĩa vụ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười;

Ông Lê Văn An.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 14 tháng 5 và 21 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 519/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản; Tranh chấp quyền sử dụng đất; Buộc thực hiện nghĩa vụ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DSST ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1215/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Thu T (Tracy N), sinh năm 1973. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số B 5th S, O, CA I, Hoa Kỳ.

2. Bà Nguyễn Thị Thu M (Phạm Thị Thu M1), sinh năm 1976. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số A SE E, P, OR I, Hoa Kỳ. (Vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Phương D (Dianna P), sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số A G, O, CA I, Hoa Kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, bà M1, bà Phương D1: Ông Phạm Quốc T1, sinh năm 1984. (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà C, Đường L, Tổ C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (theo văn bản ủy quyền ngày 14/12/2021).

Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm 1960. *(Vắng mặt)*

2. Ông Hồ Quang V, sinh năm 1986. *(Vắng mặt)*

3. Bà Hồ Thị Mộng T2, sinh năm 1988. *(Vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Tổ C, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, ông V, bà T2: Bà Nguyễn Thị Kim Đ, sinh năm 1975. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số A P, Phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. (theo văn bản ủy quyền ngày 16/5/2022)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hữu T3, sinh năm 1961. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Khu phố C, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

2. Bà Nguyễn Thị D2, sinh năm 1952. *(Có mặt)*

Địa chỉ: số D, Tổ C, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thanh H, sinh năm 1965. (Vắng mặt tại phiên xử, có mặt vào ngày tuyên án)

Địa chỉ: Khu phố D, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

3. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1953. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Số B, Hẻm E, đường T, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

4. Ông Vương Sơn H1, sinh năm 1984. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Số G, đường T, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

5. Ông Nguyễn Minh L1, sinh năm 1983. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: 921S BIRCHLEAF ANAHEIM, CA 92804, CALIFORNIA, USA.

- *Người kháng cáo:* Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn ông Phạm Quốc T1 và bà Trần Thanh H là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện của các nguyên đơn trình bày:

Theo biên bản thỏa thuận ngày 01/4/2020 bà Nguyễn Thị Kiều L, ông Hồ Quang V, bà Hồ Thị Mộng T2 ký tên nội dung thỏa thuận như sau:

+ Bà T, bà M1, bà P nợ bà L, ông V, bà T2 số tiền 25.000 USD và 800.000.000 đồng phải có trách nhiệm thanh toán lần 1 số tiền 1.000.000.000 đồng trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày 01/4/2020. Trong 2 tháng tiếp theo thanh

toán số tiền còn lại. Nếu thanh toán chậm sẽ phải chịu lãi suất 2%/tháng tương ứng số tiền chậm trả.

+ Bà L, ông V, bà T2 có trách nhiệm làm thủ tục sang tên chuyển quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 03/7/2012 do ông Hồ Quang V đứng tên thửa đất 470, tờ bản đồ số 18, diện tích 677m² đất tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh trên đất có 5 căn kiot.

+ Một phần đất lối đi vào Bàu Tà Mun qua khảo sát diện tích khoản 350m² thửa đất 96 tờ bản đồ 51 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh,

Hai phần đất trên trước đây bà L, ông V, bà T2 đứng ra sang nhượng dùm, đứng tên dùm cho bà T, bà M1, bà P.

+ Có trách nhiệm ký ủy quyền nhận tiền thanh lý 25 ha cao su Suối Dây – T

Thực hiện nội dung thỏa thuận nêu trên:

+ Ngày 13/7/2020 bà T2 đại diện nhận 1.000.000.000 đồng;

+ Ngày 25/9/2020 bà T2 đại diện nhận 387.000.000 đồng.

Tổng cộng 1.387.000.000 đồng tương ứng với số tiền 25.000 USD và 800.000.000 đồng theo thỏa thuận ngày 01/4/2020.

Theo bản cam kết ngày 15/7/2019:

+ Đối với diện tích 1.596m² tọa lạc tại ấp T, xã T, thành phố T, tỉnh Tây Ninh bà L trả 2/3 giá trị diện tích đất là 3.384.000.000 đồng.

+ Mặc khác ngày 07/12/2017 bà L có nhận dùm cho bà T, bà M1 số tiền 630.000.000 đồng từ bà N1 đến nay chưa giao.

Nay khởi kiện yêu cầu:

1. Bà L thực hiện thủ tục sang tên diện tích đất lối đi vào Bàu Tà Mun theo biên bản thỏa thuận ngày 01/4/2020, trị giá khoản 500.000.000 đồng.

2. Buộc ông V làm thủ tục sang tên QSDĐ tại T, T, T trên đất có 5 căn kiot theo biên bản thỏa thuận ngày 01/4/2020, trị giá khoảng 800.000.000 đồng.

3. Buộc bà L, ông V, bà T2 ký ủy quyền cho bà T, bà M1, bà P nhận tiền thanh lý 25ha cao su Suối Dây – T,

4. Buộc bà L trả bà T, bà M1 số tiền 630.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

5. Buộc bà Liên thanh t lại cho bà T, bà M1, bà P 2/3 giá trị diện tích đất là 1.596m² tọa lạc tại T, T, thành phố T giá trị là 3.384.000.000 đồng

Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 05/10/2022 ông Phạm Quốc T1 đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn rút 1 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 3.384.000.000 đồng lý do đã nhận tiền xong.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều L, ông Hồ Quang V, bà Hồ Thị Mộng T2 và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Không đồng ý các yêu cầu khởi kiện của bà T, bà M1 và bà Phương D1

+ Đối với phần đất đi vào bàu Tà Mun trước đây bà L mua cho ông D3, nhưng ông D3 không thanh toán tiền cho bà L, hiện tại bà L đang quản lý, sử dụng

phần lỗi đi trên, tại bản án số 71/2021/DSST ngày 10/11/2021 của Tòa án huyện Tân Châu đã xác định quyền sử dụng đất thuộc về bà L, hiện đang thi hành án. Bị đơn trình bày phía trong của phần đất này có 2 phần đất không xác định chính xác diện tích đất bao nhiêu, theo văn bản thỏa thuận ngày 26/6/2018 con của bà D2 (M1, T, P, V, L1) đã giao cho bà D2 toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt 2 phần đất phía trong, hiện tại bà D2 đã bán cho người khác, hiện nay bà D2 đang thỏa thuận lỗi đi 350m² với bà L, xác định diện tích lỗi đi này là của bà L.

+ Đối với diện tích 677m² đất tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh trên đất có 5 căn kiot thì bản thỏa thuận ngày 10/10/2021 bà L giao tài sản cho bà D2 và bản giao kèo mua bán lại ngày 26/11/2021 thì bà D2 bán lại cho bà L số tiền 1.600.000.000 đồng và 14.000 USD.

+ Đối với việc ký ủy quyền thanh lý 25 ha cao su tại Nông trường S, T đây là di sản thừa kế của ông D3, đề nghị giải quyết theo quy định.

+ Đối với số tiền 630.000.000 đồng bà L đại diện cho bà M1, T để nhận tiền từ bà N1 đã thanh toán xong.

Ngày 02/11/2022 bà Nguyễn Thị Kiều L phản tố đề nghị nguyên đơn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 677m² do ông Hồ Quang V đứng tên. Giao cho bên nguyên đơn trong trường hợp tách 5 căn kiot trên diện tích 138m² do không tách được giấy, phía nguyên đơn giữ cho đến nay.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị D2 trình bày: Đề nghị xác định bà là chính chủ của các tài sản sau đây, xuất phát từ thừa kế của ông D3:

- Buộc bà Nguyễn Thị Kiều L làm thủ tục sang tên chuyển quyền sử dụng đất – phần đất bà Tà Mun có diện tích khoảng 350m² thửa đất 96, tờ bản đồ 51 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh vì toàn bộ diện tích đất trên bà đã bán cho người mua và đã thanh toán phần giá trị cho các con của bà thông qua bà Kiều L thực hiện nhận ủy quyền của các con của bà.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kiều L và ông Hồ Quang V làm thủ tục sang tên chuyển quyền sử dụng đất – phần đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; trên đất có 05 căn kiot cho bà, bà đã bán lại cho bà L 4 căn kiot với giá 1.600.000.000 đồng đã nhận đủ tiền; ông Nguyễn Minh L1 (con của bà D2) đã bán cho bà L 1 căn.

Việc giao nhận tiền bằng giấy viết tay, đề nghị hủy bỏ thỏa thuận mua bán 5 căn kiot trên.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kiều L giao lại cho bà quyền thanh lý 25 ha cao su tại Nông trường cao su S, T, Tây Ninh.

Ông Nguyễn Hữu T3 trình bày:

Ông thống nhất tất cả các nội dung thỏa thuận giữa bà T, bà M1, bà Phương D1 với bà L, ông V, bà T2 mà ông tham gia ký tên. Trong trường hợp tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện thì các tài sản là quyền sử dụng đất của đồng nguyên đơn thì ông T3 đồng ý đứng tên dùm và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án (đơn đề nghị ngày 12/4/2022).

Ông Vương Sơn H1 trình bày:

Ông chỉ là người làm chứng cho việc giao nhận tiền và giao nhận sổ đỏ giữa ông Nguyễn Hữu T3 với bà Hồ Thị Mộng T2, ông Hồ Quang V và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Bà Nguyễn Thị N1 trình bày:

Bà là người biết và quản lý di sản thừa kế của ông D3 để lại. Được các nguyên đơn ủy quyền để thực hiện giao nhận tài sản liên quan đến thừa kế của ông D3 mà các nguyên đơn được hưởng và bà đã giao xong.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DSST ngày 16 tháng 5 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

I. Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 37; Điều 147; Điều 149; Điều 155; Điều 156; Điều 157; Điều 158; Điều 217; Điều 218; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117; Điều 119; Điều 129; Điều 166; Điều 274; Điều 275; Điều 500; Điều 501; Điều 502; Điều 503; Điều 574; Điều 575 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 166; Điều 167 của Luật Đất đai.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

II. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị Thu M, bà Nguyễn Phương D4 đối với đồng bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều L, ông Hồ Quang V, bà Hồ Thị Mộng T2 về yêu cầu “Đòi tài sản”, “Buộc thực hiện nghĩa vụ”, “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

- Buộc bà Nguyễn Thị Kiều L, ông Hồ Quang V, bà Hồ Thị Mộng T2 thực hiện nghĩa vụ giao quyền thanh lý 24,80ha cao su tại Nông trường cao su S - T - Tây Ninh cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị Thu M, bà Nguyễn Phương D4 – người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Quốc T1 nhận. Bà Nguyễn Thị D2 được quyền khởi kiện đối với các nguyên đơn về tài sản này khi có căn cứ chứng minh là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn D5.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị Thu M yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều L trả số tiền 630.000.000 đồng (sáu trăm ba mươi triệu)

- Không chấp nhận yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Kiều L, ông Hồ Quang V, bà Hồ Thị Mộng T2 sang tên phần đất 355,1m² (đất Bàu Tà M2) tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- Không chấp nhận yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Kiều L, ông Hồ Quang V, bà Hồ Thị Mộng T2 thực hiện nghĩa vụ sang tên diện tích 384m² trên đất có 5 căn kiot.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu bà L, ông V, bà T2 trả số tiền 3.384.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm tám mươi bốn triệu).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Kiều L: Buộc bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị Thu M, bà Nguyễn Phương D4 có nghĩa vụ trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 677m² tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, thửa số 470 tờ bản đồ số 18, Giấy chứng nhận số BL258306 cấp ngày 03/7/2012, số vào sổ CH 58306 đại diện bà T, bà M, bà P là ông Nguyễn Hữu T3 đang giữ giấy có trách nhiệm giao trả lại cho bà Nguyễn Thị Kiều L, ông Hồ Quang V.

3. Các nguyên đơn được quyền khởi kiện thừa kế đối với bà Nguyễn Thị D2, ông Nguyễn Minh L1 về số tiền đã bán 5 căn kiot tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (1.600.000.000 đồng + 14.000 USD) khi có yêu cầu và có căn cứ chứng minh là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn D5.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị D2 về việc yêu cầu xác định bà là chính chủ đối với 3 tài sản: Diện tích đất Bàu Tà Mun 355,1m² tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; 24,80 ha cao su S, T, tỉnh Tây Ninh và 05 căn ki ốt trên diện tích đất 677m² đất tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023 các nguyên đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, bà Nguyễn Thị D2 kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng căn cứ vào các văn bản thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn đối với các tài sản và khoản tiền đã nêu tại đơn kháng cáo. Việc bà L cố ý thỏa thuận lại với bà D2 là để trốn tránh nghĩa vụ thi hành án nên các thỏa thuận này không hợp pháp.

Đối với việc chuyển nhượng các căn ki ốt giữa bà D2 cho bà L là việc bà D2 tự ý định đoạt tài sản thừa kế nên việc chuyển nhượng này không hợp pháp, đề nghị hủy việc chuyển nhượng, giao trả tài sản lại cho các con ông D5.

Án sơ thẩm tuyên các thỏa thuận giữa nguyên đơn với bà L là vô hiệu nhưng không giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là chưa đúng quy định, ảnh hưởng quyền lợi của nguyên đơn. Trường hợp Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn thì đề nghị xem xét giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu, buộc các bên trả lại cho nhau những gì đã nhận.

Đối với các yêu cầu độc lập của bà D2 đề nghị không chấp nhận, đồng thời không chấp nhận kháng cáo của bà D2 vì các tài sản liên quan đến bà D2 đã được giải quyết bằng các bản án có hiệu lực pháp luật, tài sản trong vụ kiện này hoàn toàn thuộc về bà L và các con của bà L nên phải căn cứ theo thỏa thuận của bị đơn với các nguyên đơn để giải quyết.

Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do đã không đánh giá chứng cứ chính xác và phù hợp với thực tế.

Bị đơn vắng mặt không thể hiện ý kiến đối với kháng cáo của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D2 xác định yêu cầu độc lập của bà được nộp vào ngày 03/3/2023, sau khi tòa án cấp sơ thẩm đã công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải. Đồng thời trình bày ý kiến về vụ kiện như sau:

Phần đất tại B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh tại bản án Dân sự sơ thẩm số 71/2021/DS-ST ngày 10/11/2021 xét xử tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng giữa bà L và ông Trần Quốc C đã tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc ông C giao đất cho bà L, bà L giao lại cho ông C 40.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 10/10/2021 bà L đã có thỏa thuận giao đất Bàu Tà M2 cho bà D2 nên bà D2 cùng với bà L đã bán lại thửa đất cho ông Huỳnh Văn T4 với giá 900.000.000 đồng, ông T4 đã trả trước 500.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị N1 đã nhận theo ủy quyền của các bà M, T để giao lại cho bà L. Như vậy, phần đất này các con của ông D5, bà D2 đã chia xong. Việc bà L giao lại số tiền này cho các nguyên đơn hay chưa là quan hệ riêng của đôi bên. Bà D2 đã đóng các chi phí tố tụng của vụ án thay cho bà L và còn đưa cho ông C 20.000.000 đồng, sau khi Bản án số 71/2021/DS-ST ngày 11/11/2021 được tuyên thì bà L lại đòi ý tự đi đóng khoản tiền 40.000.000 đồng cho ông C mà không thực hiện giao đất cho bà D2 để bà tiếp tục thủ tục chuyển nhượng cho ông T4. Như vậy bà L đã né tránh thực hiện thỏa thuận dù đã nhận tiền xong.

Đối với quyền thanh lý 24,8 ha cao su tại S, T, Tây Ninh, tại Bản án Dân sự số 03/2017/DS-ST ngày 07/6/3017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã giao quyền quản lý, khai thác lô cao su này cho bà L, ông V và bà T2, sau đó bà D2 và bà L đã thỏa thuận lại tại Văn bản thỏa thuận ngày 10/10/2021 là bà L tự nguyện giao lại tài sản này cho bà D2 và bà D2 phải chuyển cho bà L 1.300.000.000 đồng. Bà L còn ghi do biết việc thỏa thuận giao tài sản này cho con ông D5 là sai đối tượng nên tự hủy các cam kết đó. Bà D2 đã giao xong cho bà L 1.000.000.000 đồng bằng chuyển khoản qua tài khoản của bà T2, còn 300.000.000 đồng tiền mặt giao trực tiếp cho bà L. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 16/5/2023, Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bà L đã thừa nhận việc bà D2 đã đưa 1.300.000.000 đồng và chấp nhận giao quyền thanh lý tài sản này cho bà D2. Như vậy không có cơ sở để các nguyên đơn đòi bà L giao quyền thanh lý lô cao su này. Án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn được nhận quyền thanh lý lô cao su là không đúng với tài liệu chứng cứ và diễn biến thực tế, yêu cầu sửa lại phần này

Đối với diện tích đất 384m² có 05 căn ki ốt trên đất thì ông L1 đã chuyển nhượng cho ông V 01 căn ki ốt và nhận tiền xong; 04 căn ki ốt còn lại bà D2 đã bán cho bà L với giá 1.600.000.000 đồng và bà L đã chia thừa kế cho các con xong. Tài sản này đã được chuyển sang cho ông V đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn hủy việc chuyển nhượng 04 căn ki ốt này như ý kiến của đại diện nguyên đơn thì bà cũng đồng ý trả lại cho bà L 1.600.000.000 đồng và yêu cầu chia tài sản này theo quy định của pháp luật về thừa kế.

Bà Nguyễn Thị N1 trình bày: bà là người được giao phó quản lý các tài sản có liên quan đến tranh chấp của các đương sự. Bà xác định các tài sản tranh chấp

liên quan đến quyền thừa kế của ông D5 đã được bà D2 thực hiện đầy đủ cho các con của ông D5 theo các bản án đã xét xử có hiệu lực pháp luật. Trong các tài sản này đều có nguồn gốc ông D5, bà D2 chuyển tiền từ nước ngoài về nhờ bà L đứng ra giao dịch. Các tài sản đang tranh chấp trong chính vụ án này đã được giải quyết và bà D2 đã thi hành xong cho quyền lợi của các nguyên đơn. Bà L đã nhận thay các nguyên đơn xong nhưng việc giao nhận lại giữa hai bên thế nào bà không biết, kể cả số tiền 630.000.000 đồng là tiền bà D2 chuyển cho các bà T, M cho bà và bà đã chuyển lại cho bà L theo yêu cầu của bà M, bà T xong. Riêng các thỏa thuận của bà L với các nguyên đơn bà không biết và không rõ việc giao, nhận giữa hai bên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đều đã tuân thủ quy định về tố tụng. Kháng cáo của bị đơn là hợp lệ.

Về yêu cầu kháng cáo: Xét án sơ thẩm đã tuyên xử có căn cứ theo các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập hợp pháp. Người kháng cáo không xuất trình thêm chứng cứ mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Nguyên đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên đơn kháng cáo là hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Án sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật trong vụ án và thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng, tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng và xác minh, thu thập đầy đủ chứng cứ để giải quyết tranh chấp.

Về việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự:

Bà Nguyễn Thị D2 có đơn yêu cầu độc lập vào ngày 03/3/2023 (BL 501), sau khi Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn và sau thời gian tiến hành thủ tục kiểm tra chứng cứ, công khai chứng cứ (ngày 26/5/2022 – BL 144), như vậy là không đảm bảo điều kiện về thời hạn đưa ra yêu cầu độc lập quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Tố tụng dân sự. Án sơ thẩm vẫn thụ lý đơn và xác định tư cách bà D2 là người có yêu cầu độc lập để giải quyết về nội dung yêu cầu của bà là không đúng quy định. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định bà D2 chỉ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện chứ không phải người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập như án sơ thẩm đã xác định và không xem xét nội dung yêu cầu của bà D2 trong cùng vụ án này.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng một số đương sự vắng mặt nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này tại phiên tòa phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện các nội dung như đã thỏa thuận giữa 02 bên tại biên bản ngày 01/4/2020 gồm: buộc bà Nguyễn Thị Kiều L làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất lối đi vào Bàu Tà Mun có diện tích 355,1m² thuộc thửa 92, Tờ bản đồ số 51 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T; buộc ông Hồ Quang V làm thủ tục sang tên chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 384m² đất tọa lạc tại xã T, huyện T, trên đất có 05 căn ki ốt; buộc bà L cùng ông Hồ Quang V, bà Hồ Thị Mộng T2 có trách nhiệm ký ủy quyền cho nguyên đơn để nhận tiền thanh lý 25 ha cao su tại Nông trường cao su S, huyện T; buộc bà L trả lại số tiền 630.000.000 đồng đã nhận của bà T, bà M; bà Liên thanh t lại cho nguyên đơn 2/3 giá trị diện tích đất 1.596m² tọa lạc tại ấp T, xã T, thành phố T là 3.384.000.000 đồng. Đến ngày 05/10/2022, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 3.384.000.000 đồng. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện thì các tài sản là quyền sử dụng đất các nguyên đơn đồng ý giao cho ông Nguyễn Hữu T3 đứng tên theo quy định của pháp luật đất đai.

Bị đơn có yêu cầu phản tố buộc nguyên đơn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 258306 do UBND huyện T cấp ngày 03/7/2012 cho ông Hồ Quang V của phần đất diện tích 677m² thuộc thửa 470, tờ bản đồ số 18 đất tọa lạc tại xã T, huyện T (phần đất có 05 căn ki ốt các đương sự đang tranh chấp).

Qua xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập và trình bày của các đương sự thấy rằng:

- Đối với yêu cầu khởi kiện đòi 630.000.000 đồng: theo Giấy giao tiền do nguyên đơn cung cấp thể hiện: ngày 07/12/2017 bà L nhận 630.000.000 đồng tiền do bà Nguyễn Thị N1 giao (BL 631). Đây là tiền bà D2 giao giá trị thừa kế một phần tài sản cho các bà T, bà M mà bà N1 là người đại diện nhận. Sau đó bà N1 giao lại cho bà L theo yêu cầu của bà T, bà M.

Theo trình bày của bà L, bà có nhận khoản tiền này từ bà N1 nhưng bà N1 có mượn lại 100.000.000 đồng, còn lại bà L đã sử dụng cho các khoản chi phí thừa kiện, tiền đổi vé máy bay cho bà M, tiền làm đẹp cho bà M, đưa tiền cho bà M tiêu xài khi về Việt Nam, đưa cho bà N1 50.000.000 đồng và đưa cho ông H2 (ba vợ ông L1) 50.000.000 đồng. Bà L cung cấp các giấy tay tự kê chi phí trên nhưng nguyên đơn không thừa nhận nội dung các khoản chi được kê trong các giấy này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N1 trình bày đã trả 100.000.000 đồng cho bà Liên thông q việc giao cho ông Vương Sơn H1 – đại diện cho bà T, bà M 70.000.000 đồng và đã trả xong phần 100.000.000 đồng mượn của bà L trước đó.

Như vậy, bà L đã thừa nhận có nhận khoản tiền 630.000.000 đồng nêu trên và cho rằng đã chi phí công việc cho bà M hết, nhưng lại không đưa ra được chứng cứ chứng minh và nguyên đơn cũng không thừa nhận nên căn cứ Điều 188 Bộ

luật Dân sự, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu buộc bà L trả lại số tiền trên cho nguyên đơn.

Bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu này nhưng xét đây là yêu cầu đòi quyền sở hữu về tài sản nên không có cơ sở để chấp nhận theo quy định của khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự.

- Đối với yêu cầu về việc buộc bà Nguyễn Thị Kiều L, ông Hồ Quang V, bà Hồ Thị Mộng T2 sang tên phần đất 355,1m² (đất Bàu Tà M2) tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh cho các nguyên đơn:

Phần đất này theo tài liệu chứng cứ đã thu thập thể hiện bà L nhận chuyển nhượng của ông Trần Quốc C năm 2001, chỉ có giấy viết tay, nguyên đơn không có tài liệu chứng minh là đã nhờ bị đơn đứng tên dùm. Tại thời điểm nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận (vào ngày 01/4/2020) thì đất vẫn chưa được cấp GCNQSD đất, đến tháng 7/2020 bà L mới khởi kiện tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng với ông C tại Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Đến ngày 10/11/2021 Tòa án nhân dân huyện Tân Châu mới tuyên tài sản này thuộc về bà L (bản án số 71/2021/DS-ST).

Như vậy, vào thời điểm hai bên lập thỏa thuận đối với tài sản này bà L vẫn chưa được xác định là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất trên nên không có quyền định đoạt. Xét về hình thức, việc giao dịch quyền sử dụng đất giữa hai bên chỉ là cam kết riêng, không thông qua thủ tục công chứng theo quy định. Tại thời điểm thỏa thuận, các nguyên đơn có quốc tịch H3 kỳ và định cư tại Hoa Kỳ nên không được nhận chuyển nhượng hoặc tặng cho quyền sử dụng đất. Do vậy, thỏa thuận đối với tài sản này là vô hiệu theo quy định của Điều 117, 502 Bộ luật Dân sự và Điều 167, Điều 5, điểm b khoản 1 Điều 169, khoản 1 Điều 191 Luật Đất đai năm 2013. Nên không có cơ sở để buộc bị đơn giao quyền sử dụng thửa đất này theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài ra, tại phần trình bày của đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ở phiên tòa sơ thẩm thể hiện sau khi bản án số 71/2021/DS-ST ngày 10/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu ban hành thì giữa bà L và bà D2 đang có thỏa thuận về việc sử dụng thửa đất để làm lối đi vào các thửa đất liền kề phía sau mà bà D2 đã bán cho người khác. Đây là quan hệ riêng giữa bà L và bà D2 – liên quan đến yêu cầu độc lập của bà D2, không xem xét trong cùng vụ án này. Bà D2 có quyền khởi kiện đối với bà L về thỏa thuận ngày 10/10/2021 thành vụ kiện dân sự khác.

- Đối với yêu cầu buộc ông Hồ Quang V làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất – phần đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, trên đất có 05 căn ki ốt:

Phần đất có 05 căn ki ốt diện tích 384m² trong tổng diện tích 626,5m² thuộc thửa đất số 230, tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T do ông Hồ Quang V đứng tên trên GCNQSD đất số CH58306 cấp ngày 15/11/2019 - theo chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Biên bản thỏa thuận ngày 01/4/2020 do bà L, ông V, bà T2 đồng ý ký tên cùng đại diện cho nguyên đơn là ông Vương Sơn H1 và Nguyễn Hữu T3 cùng “ *Biên bản cam kết giữa hai hộ gia đình* “ vào ngày 15/7/2019 các bà T, M và D6 đã ký thì khi nguyên đơn trả hết số nợ 4.923.000.000 đồng cho gia đình bà L thì bà L sẽ giao phần đất có 05 căn ki ốt nằm trong tổng

diện tích 626,5m² thuộc thửa đất số 230, tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T.

Ngày 30/3/2020, ông Hồ Quang V đồng ý thỏa thuận trên và giao GCNQSD đất để cho ông Vương Sơn H1 (người đại diện theo ủy quyền của bà T, M, D6) và ông Nguyễn Hữu Trung trực t1 nhận để tách thửa, xong sẽ trả lại cho ông V.

Đến ngày 10/10/2021, bà L biết thỏa thuận với nguyên đơn ngày 01/4/2020 ký giao phần đất có 05 căn ki ốt cho nguyên đơn là không đúng khi bà D2 đưa ra bản án số 584/2020/DS-PT ngày 30/10/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nên đã ký trả đất lại cho bà D2 (theo thỏa thuận ngày 10/10/2021). Việc bà L ký giao tài sản này, bà T2 và ông V không biết.

Sau khi bà D2 nhận lại 05 căn ki ốt thì ông Nguyễn Minh L1 (là con chung của ông D5, bà D2) đã bán cho ông Hồ Quang V 01 căn và nhận tiền riêng; bà D2 bán cho bà L 04 căn và nhận 1.600.000.000 đồng.

Như vậy, thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn được xác lập trước khi tài sản được xác định chủ sở hữu hợp pháp – tức là lập trong thời gian tài sản đang được Tòa án thụ lý (ngày 23/4/2020) giải quyết tranh chấp thừa kế giữa bà Nguyễn Thị Thu M khởi kiện đối với bà D2, bà D2 có yêu cầu phản tố liên quan đến phần đất có 05 căn ki ốt này và được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật số 584/2020/DS-PT ngày 30/10/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Do bà D2 rút yêu cầu phản tố nên tài sản liên quan đến phần đất có 05 căn ki ốt chưa được chia thừa kế. Bà L nếu có giao trả lại phần đất và 05 căn ki ốt thì phải giao cho tất cả các đồng thừa kế của ông D5, không phải giao cho cá nhân bà D2 hoặc giao cho các nguyên đơn như trong thỏa thuận ngày 01/4/2020.

Theo Biên bản đối chất ngày 06/02/2023, bà L đã giao lại 05 căn ki ốt cho bà D2 sau đó bà D2 đã bán lại cho bà L 04 căn ki ốt và nhận 1.600.000.000 đồng. Trước đó, ngày 03/6/2018, ông Nguyễn Minh L1 là con của ông D5, bà D2 đã bán 01 căn ki ốt cho bà L và nhận 14.000 USD. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu nếu không chấp nhận giao tài sản này cho nguyên đơn thì hủy việc chuyển nhượng giữa bà D2 và bà L vì đây là tài sản thừa kế chưa được chia. Bà D2 cũng trình bày nếu Hội đồng xét xử chấp nhận hủy việc mua bán 04 ki ốt bà chấp nhận trả tiền lại cho bà L.

Xét thỏa thuận của các các nguyên đơn với bị đơn về việc giao tài sản này là không đúng quy định nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn về việc thực hiện thỏa thuận ngày 15/7/2019 và 01/4/2020 đối với tài sản này.

Theo quy định, tài sản có liên quan đến quan hệ thừa kế không cá nhân nào được tự ý định đoạt nếu không có sự đồng ý của những người trong diện và hàng thừa kế nhưng đến giai đoạn xét xử phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn mới yêu cầu hủy việc chuyển nhượng các căn ki ốt giữa bà D2 với bà L hoặc hủy nội dung thỏa thuận bà L, ông V, bà T2 giao tài sản này cho các nguyên đơn nhưng ý kiến này là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể điều chỉnh. Yêu cầu độc lập của bà D2 trong vụ kiện này lại không đúng thủ tục thụ lý nên việc xem xét tính pháp lý của giao dịch chuyển nhượng 04 căn ki ốt cũng không thể giải quyết ngay trong vụ án này. Các

đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác nếu chứng minh được tài sản này có nguồn gốc của ông D5.

Án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thực hiện theo thỏa thuận ngày 01/4/2020 giao tài sản này cho nguyên đơn là có căn cứ.

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có trách nhiệm ký ủy quyền cho nguyên đơn nhận tiền khi thanh lý vườn cây cao su thuộc Lô I, Nông trường Cao su Suối Dây:

Thấy rằng năm 2017 giữa bà L với bà D2 có tranh chấp quyền sử dụng đất trong đó có phần đất 24,8ha cao su nêu trên. Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 03/2017/DSST ngày 07/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh (đã có hiệu lực pháp luật) đã tuyên tài sản này thuộc di sản thừa kế của ông Hồ Thanh T5 - chồng bà L và là cha của ông V, bà T2 nên buộc bà D2 phải giao lại cho bà L và các con của bà L quyền quản lý, chăm sóc, khai thác vườn cao su và được quyền sở hữu căn nhà 03 gian, diện tích 160m²; bà L, ông V, bà T2 tiếp tục thực hiện hợp đồng số 05/HĐKT ngày 09/4/1991 và phụ lục hợp đồng mà ông T5 đã ký với Công ty TNHH MTV C1 – 5 Tây Ninh.

Tại Biên bản giải quyết việc thi hành án lập ngày 11/12/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, bà L xác định:

“ ...1. Theo Quyết định thi hành án theo đơn số 09/QĐ-CTHADS ngày 03/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh thì bà Nguyễn Thị D2 có trách nhiệm giao lại cho tôi và các con vườn cây cao su thuộc Lô I, Nông trường Cao su S, tọa lạc: ấp D, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Nội dung này tôi và bà Nguyễn Thị D2 đã tự giao nhận với nhau xong, xác nhận việc thi hành án xong, không yêu cầu cơ quan thi hành án tổ chức thi hành án tiếp....

....2. Theo Quyết định thi hành án theo đơn số 10/QĐ-CTHADS ngày 03/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh thì bà Nguyễn Thị D2, các con bà D2 có trách nhiệm thanh toán cho tôi và các con số tiền 2.245.823.500 đồng, tôi đã nhận từ số tiền bà D2 nộp tại Cục T6 tỉnh là 200.547.648 đồng.

Bà D2 còn phải thi hành án cho tôi số tiền 2.045.852 đồng. Nội dung này tôi và bà Nguyễn Thị D2 đã tự giao nhận với nhau xong, xác nhận việc thi hành án xong, không yêu cầu cơ quan thi hành án tổ chức thi hành án tiếp...”

Kèm theo là Biên bản về việc giao nhận tiền thi hành án ngày 06/02/2017 của bà D2 cho bà L 2.045.275.852 đồng;

Đến ngày 15/7/2019, các nguyên đơn lập bản cam kết khi nào trả hết số nợ 4.923.000.000 đồng cho bị đơn thì được giao quyền quản lý, sử dụng, khai thác vườn cao su này và các bên xác định nguyên đơn trả cho bà L xong.

Đến ngày 01/4/2020, khi đang thực hiện theo cam kết ngày 15/7/2019 thì phát sinh nợ từ nguyên đơn với bà L, số tiền 25.000 USD và 800.000.000 đồng và thỏa thuận ngày 01/4/2020 có nội dung: sau khi nguyên đơn trả xong khoản nợ phát sinh này thì gia đình bà L sẽ giao trả các tài sản có liên quan đến ông D5 – trong đó có ký giấy ủy quyền nhận tiền thanh lý 25 ha cao su tại Nông trường S cho nguyên đơn.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

“Đối với 25ha cao su ở S - T: sau khi ông D5 chết có xảy ra việc bà D2 đã bán nhiều tài sản là di sản của ông D5 nhưng không chia cho các con, nên giữa bà L và bà D2 có tranh chấp tại Tòa án về 25 ha cao su, mục đích bà L bảo vệ quyền lợi cho các cháu trong đó có nguyên đơn và có công sức của bà L, tiền là của ông D5. Đề nghị xem xét đó là di sản của ông D5”. (BL 651).

Bản án sơ thẩm cũng ghi nhận phần trình bày của đại diện theo ủy quyền của bị đơn: *“đối với việc ký ủy quyền thanh lý 25 ha cao su tại Nông trường S, T, đây là di sản thừa kế của ông D5, đề nghị giải quyết theo quy định” (BL677).*

Trình bày này mâu thuẫn với ý kiến của bà L khi giải quyết vụ tranh chấp với bà D2 tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 03/2017/DSST ngày 07/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh vì bà L phủ nhận vườn cao su là tài sản của ông D5, bà D2 nhờ ông Hồ Thanh T5 đứng tên trên hợp đồng với Nông trường. Quá trình thi hành bản án liên quan đến tài sản này thể hiện:

Tại văn bản cam kết ngày 26/11/2021 bà L bàn giao lại vườn cao su Nông trường S cho bà D2 và bà D2 tự nguyện tặng cho bà L 1.300.000.000 đồng công quản lý, gìn giữ tài sản giúp bà. Ngày 29/11/2021 bà Hồ Thị Mộng T2 xác nhận đã nhận số tiền 1.000.000.000 đồng do bà D2 chuyển khoản để tặng cho bà L do có công quản lý, giữ gìn tài sản 25 hecta cao su Nông trường S. Bà L còn nêu nội dung do trước đây không biết giữa bà L và các con đã chia thừa kế xong nên thỏa thuận giao vườn cao su cho các con ông D5 quản lý, khai thác là sai đối tượng, xem như hủy các thỏa thuận giao cho con ông D5.

Xét các thỏa thuận của bà L với các nguyên đơn và giữa bà L với bà D2 đều là những thỏa thuận mang tính đối phó trong quá trình thi hành các bản án đã có hiệu lực pháp luật, quá trình thực hiện thỏa thuận bà L đã cố ý né tránh và thỏa thuận chông chéo để không thực hiện nghĩa vụ giao tài sản, việc không nhất quán phát sinh từ phía bà L. Cụ thể, bà L tự thỏa thuận giao vườn cao su cho các nguyên đơn theo thỏa thuận vào ngày 01/4/2020 trong khi tiến hành thi hành án lại thỏa thuận riêng với bà D2 và tự cho là đã giao tài sản sai đối tượng, tự nhận tiền của bà D2 để thỏa thuận giao tài sản cho bà D2 cùng với nhận tiền công giữ gìn tài sản từ bà D2 (26/11/2021 bà T2 đã thừa nhận việc bà D2 chuyển khoản 1.000.000.000 đồng để trả công gìn giữ vườn cao su cho bà L).

Quá trình giải quyết vụ kiện, đại diện theo ủy quyền của bị đơn nhiều lần thừa nhận vườn cao su này là tài sản của gia đình ông D5 thì đây là tình tiết mới có tính chất làm thay đổi bản chất vụ kiện tranh chấp giữa bà L và bà D2 đã được tuyên xử bởi bản án số 03/2017/DSST ngày 07/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Các thỏa thuận về tài sản có liên quan đến ông D5 phải được thực hiện với tất cả các đồng thừa kế, không thể tiến hành với riêng bà D2 hay riêng với nguyên đơn như bà L đã thực hiện. Do vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn ủy quyền nhận tiền thanh lý vườn cây cao su thuộc Lô I, Nông trường Cao su S riêng cho các nguyên đơn.

Đối với việc rút lại yêu cầu buộc nguyên đơn trả số tiền 3.384.000.000 đồng: đây là sự tự định đoạt của đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết yêu cầu này là đúng quy định.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc nguyên đơn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Quang V:

Theo phân tích trên, phần đất có 05 căn ki ốt diện tích 384m² trong tổng diện tích 626,5m² thuộc thửa đất số 230, tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T do ông Hồ Quang V đứng tên trên GCNQSD đất, ngày 30/3/2020 ông V đã giao giấy chứng nhận cho ông Nguyễn Hữu T3 giữ theo yêu cầu của nguyên đơn, nay bà L có yêu cầu phản tố và ông V cũng thống nhất ý chí với bà L nên án sơ thẩm tuyên buộc nguyên đơn trả lại GCNQSD đất cho ông V là có cơ sở.

- Đối với yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị D2 về việc xác định bà là chính chủ đối với các tài sản gồm diện tích 355,1m² đất Bàu Tà M2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T; 24,8ha cao su Suối Dây, T và 05 căn ki ốt trên diện tích đất 677m² tọa lạc tại xã T, huyện T thấy rằng: tuy các tài sản này đã được giải quyết bởi các bản án đã có hiệu lực pháp luật, có vụ đã thi hành xong như vườn cao su Suối D7, diện tích đất Bàu Tà M2 nhưng tại phiên tòa sơ thẩm bà L thừa nhận đất cao su Suối Dây là tài sản của ông D5 và đất Bàu Tà M2 giữa bà L và bà D2 đang thỏa thuận lại về lối đi. Đây đều là những vấn đề phát sinh sau khi có thỏa thuận giao tài sản giữa bà L cho bà D2 theo thỏa thuận ngày 10/11/2021, vẫn cần phải xem xét ý kiến của bà D2 đối với thỏa thuận này nhưng do yêu cầu độc lập được nộp vào giai đoạn hòa giải của vụ án nên không có cơ sở để giải quyết trong cùng vụ án này. Bà D2 có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự đối với tranh chấp về các thỏa thuận do bà L đã nhận tiền nhưng không thực hiện nghĩa vụ giao tài sản theo thỏa thuận và phần đất có 05 căn ki ốt trong tổng diện tích 625,5m² như đã đề cập trên.

Trên cơ sở đó, án sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ và giải quyết các yêu cầu khởi kiện và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn có nội dung chưa phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập, chưa đúng quy định pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng án sơ thẩm tuyên bố các thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là vô hiệu nhưng không giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu là không đúng quy định pháp luật. Trường hợp Hội đồng xét xử không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vẫn tuyên bố các thỏa thuận là vô hiệu thì yêu cầu xem xét giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Hội đồng xét xử thấy rằng do các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện các nghĩa vụ trả khoản tiền 630.000.000 đồng, buộc bị đơn thực hiện thủ tục sang tên tài sản là bất động sản, ký ủy quyền nhận thanh lý vườn cao su và bị đơn có yêu cầu phản tố buộc nguyên đơn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, kết quả án sơ thẩm không chấp nhận một số yêu cầu của nguyên đơn nên vẫn đề xem xét giải quyết hậu quả của giao dịch dân

sự vô hiệu là ngoài phạm vi khởi kiện, Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến này mà chỉ xem xét lại từng yêu cầu khởi kiện cụ thể.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà L trả lại cho bà T và bà M 630.000.000 đồng do bà L xác nhận đã nhận số tiền này nhưng không chuyển cho bà T, bà M mà tự kê ra các chi phí để cân trừ là không có căn cứ. Án sơ thẩm nhận định việc giao dịch giữa bà L với bà T, bà M có nhiều khoản tiền theo thỏa thuận nhưng hai bà không đòi số tiền này, cũng không đề cập đến chuyện trừ cân nên xem như bà L đã trả xong là nhận định mang tính chủ quan, chưa phù hợp với chứng cứ là biên nhận nhận tiền từ bà N1 giao cho bà L ngày 07/12/2017. Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà T và bà M.

Đối với yêu cầu khởi kiện buộc bà L giao phần đất Bàu Tà M2 với diện tích 384m² và yêu cầu buộc ông Hồ Quang V làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất – phần đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, trên đất có 05 căn ki ốt như đã nhận định ở phần trên là không có cơ sở để chấp nhận, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm đối với yêu cầu này.

Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị D2 thấy rằng: tuy về thủ tục không chấp nhận xem xét yêu cầu độc lập của bà D2 trong cùng vụ kiện này nhưng đối với ý kiến của bà D2 với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện, việc án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ giao quyền thanh lý 24,80ha cao su tại Nông trường cao su S - T - Tây Ninh cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Thị Thu M, Nguyễn Phương D8 - người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Quốc T1 nhận, bà Nguyễn Thị D2 được quyền khởi kiện đối với các nguyên đơn về tài sản này khi có căn cứ chứng minh là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn D5 là mâu thuẫn với lời khai của đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại phiên tòa đã xác định đây là tài sản của ông D5. Như nhận định ở phần trên, ý kiến này là tình tiết mới đối với bản án số 03/2017/DSST ngày 07/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, phần giải quyết tranh chấp vườn cao su Suối Dây nên không thể chấp nhận thỏa thuận trước đó của nguyên đơn và bị đơn. Không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với tài sản này do có liên quan đến quyền lợi của bà D2. Án sơ thẩm chấp nhận giao tài sản này cho nguyên đơn và giải quyết cả nội dung không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà D2 là không đúng quy định. Do vậy có cơ sở để chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D2 đối với tài sản tranh chấp này, cần bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và dành quyền khởi kiện cho bà D2 về thỏa thuận của bà D2 với bà L theo các văn bản thỏa thuận ngày 26/6/2018. 10/10/2021 và 10/11/2021 trong vụ kiện khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm còn có nội dung chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chỉ chấp nhận một phần.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do nguyên đơn được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử quyết định sửa một phần án phí dân sự sơ thẩm theo quy định:

- Đối với số tiền 630.000.000 đồng yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, án phí bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều L phải chịu là 20.000.000 đồng + 4% x 230.000.000 đồng = 29.200.000 đồng (hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng). Bà L có nghĩa vụ phải chịu phần án phí 29.200.000 đồng này.

- Đối với yêu cầu buộc bị đơn trả 3.384.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm tám mươi bốn triệu đồng) nguyên đơn đã rút khởi kiện, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này. Nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí.

- Đối với yêu cầu sang tên diện tích đất 355,1m² tại T, T, T án phí mỗi nguyên đơn phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Tổng cộng 900.000 đồng.

- Đối với yêu cầu sang tên diện tích đất 384m², trên đất có 5 căn kiot tại T, T, T, Tây Ninh án phí mỗi nguyên đơn phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Tổng cộng 900.000 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Thị Thu M, Nguyễn Phương D8 và chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D2. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Áp dụng:

Điều 26, Điều 35, Điều 37, Điều 147, Điều 140, Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 201, Điều 221 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 117, Điều 119, Điều 122, Điều 124, Điều 129, Điều 166, Điều 274, Điều 500, Điều 501, Điều 502, Điều 574, Điều 575 Bộ luật Dân sự;

Các điều 166, 167 Luật Đất đai;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Thị Thu M, buộc bà Nguyễn Thị Kiều L trả lại số tiền 630.000.000 đồng không tính lãi.

2. Không chấp nhận yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Kiều L, ông Hồ Quang V, bà Hồ Thị Mộng T2 sang tên phần đất 355,1m² (đất Bà Tà M2) tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

3. Không chấp nhận yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Kiều L, ông Hồ Quang V, bà Hồ Thị Mộng T2 thực hiện nghĩa vụ sang tên diện tích 384m², trên đất có 5 căn kiot.

3. Không chấp nhận yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Kiều L, ông Hồ Quang V, bà Hồ Thị Mộng T2 thực hiện nghĩa vụ giao quyền thanh lý 24,80ha cao su tại Nông trường cao su S - T - Tây Ninh cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị Thu M và Nguyễn Phương D8 – người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Quốc T1 nhận.

4. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc bà L, ông V, bà T2 trả số tiền 3.384.000.000 đồng.

5. Không xem xét đối với yêu cầu của bà D2 về việc xác định bà là chính chủ đối với 03 tài sản: diện tích đất Bàu Tà Mun 355,1m² tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T; 24,8ha cao su Suối Dây, T và 05 căn ki ốt trên diện tích đất 677m² tọa lạc tại xã T, huyện T. Bà D2 có quyền khởi kiện đối với nội dung các thỏa thuận ngày 26/6/2018, 10/10/2021 và 10/11/2021 giữa bà với bà Nguyễn Thị Kiều L trong vụ kiện khác.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Các đồng nguyên đơn mỗi người phải chịu là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), tổng cộng 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 65.340.000 đồng theo các biên lai thu số 0000106 ngày 26/01/2022; số 0000128 ngày 25/02/2022; số 0000239 ngày 06/6/2022 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả cho các đồng nguyên đơn số tiền 63.540.000 đồng (sáu mươi ba triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 29.200.000 đồng (hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không ai phải chịu án phí phúc thẩm. Các bà Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Thị Thu M, Nguyễn Phương D8 (Diana P) mỗi người được hoàn lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, lần lượt theo các Biên lai thu số 0016677, 0016678, 0016679 cùng ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Tây Ninh (1);
- VKSND tỉnh Tây Ninh (1);
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh (1);
- ĐS (8);
- Lưu VP(3), HS(2).20b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ